TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 72 /2019/QĐST- HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 23 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:101/2019/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- Nguyên đơn : Anh Lê Văn M.

Địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn : Chị Lê Thị T.

Địa chỉ: Xóm 2, xã H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 55,58, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 15 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn M và chị Lê Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể nh- sau:

2.1 Về con*:* Giao cháu Lê Thị Phương T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012 cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và Giao cháu Lê Thị Hồng N, sinh ngày 12 tháng 9 năm 2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và không ai được cản trở việc thăm nom con chung.

Anh Lê Văn M và chị Lê Thị T không có con riêng nên anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản: Anh Lê Văn M và chị Lê Thị T không có tài sản chung, riêng, công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Lê Văn M nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, đ- ợc khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0002071 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh. Trả lại cho anh Lê Văn M số tiền 150.000đồng(Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Hữu Ý

<u>Nơi gửi</u> :
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- THA DS huyện Yên Khánh.
- UBND xã H.
- Đương sự
- L- uhồ sơ vụ án